

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/DS-PT

Ngày: 27-7-2022

V/v “*tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ

Bà Trần Thị Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 150/2022/TLPT-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 164/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Lưu Thị H, sinh năm 1927; nơi cư trú: khu phố 3, thị trấn Châu T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (đã chết ngày 21/4/2022)

Người đại diện theo ủy quyền của cụ H: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1953; nơi cư trú: Số 96 đường R khu phố 1, phường IV, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 20/8/2020, có mặt)

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H:

1.1. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1949; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

1.2. Bà Huỳnh Thị Đ1, sinh năm 1954; nơi cư trú: tổ 2 ấp X, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

1.3. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1958; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

1.4. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

1.5. Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1966; nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn Châu T, huyện T, Tây Ninh.

1.6. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp X, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, bà Đ1, bà H, ông N, bà U, bà H1: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1953; nơi cư trú : Số 96 đường R khu phố 1, phường IV, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 10/5/2022, có mặt)

1.7. Bà Huỳnh Thị Đ2, sinh năm 1956; nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

1.8. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1959 (đã chết ngày 05/4/2013, có 4 người con)

1.8.1. Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1988;

1.8.2. Anh Huỳnh Phương C, sinh năm 1988;

1.8.3. Chị Huỳnh Thị Ba P, sinh năm 1991;

Cùng nơi cư trú: ấp Trường, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

1.8.4. Chị Huỳnh Thị Kim P1, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp L, xã L, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh. (Anh T, anh C, chị P, chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn S, sinh năm: 1950 và Bà Huỳnh Thị Đ2, sinh năm 1956; cùng nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông S, bà Đ2: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp A, xã G, huyện D, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1985 - Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý; nơi cư trú: khu phố T, phường S, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/5/2021 của Cụ Lưu Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của cụ H, Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cụ Lưu Thị H tranh chấp ½ diện tích đất 7.565,7m² gồm các thửa 35, 36, 60, 54, 77 tờ bản đồ 15 theo giấy chứng nhận QSDĐ của UBND huyện T cấp cho Ông S, bà Đ2 ngày 01/5/2004, vì nguồn gốc đất là của cụ tạo ra, cụ yêu cầu trả diện tích

3.782,85 m². Năm 2007 có hợp gia đình thống nhất là cho bà Đ2 ½ diện tích, còn lại của cụ H ½ diện tích. Do cụ H lớn tuổi nên giao cho vợ chồng Ông S, bà Đ2 đi đăng ký quyền sử dụng đất giúp cụ, nhưng vợ chồng bà Đ2 đăng ký đứng tên cả phần diện tích của cụ. Cụ đòi nhiều lần không trả nên cụ phải nhờ xã B hòa giải Ông S, bà Đ2 đồng ý trả cụ 8m ngang nhưng cũng không tách đất cho cụ, nên cụ khởi kiện ra Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án ông T đại diện cụ H đồng ý với sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh T cung cấp ngày 22/10/2021 phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 6.474,3m², thổ cư 400 m², đất trồng cây lâu năm 6.074,3 m² thuộc thửa đất 35, 36, 60, 54 tờ bản đồ 15 (bản đồ đo lưới năm 2000), riêng thửa 77 không nằm trong diện tích tranh chấp. Cụ H yêu cầu chia ½ diện tích đo đạc thực tế diện tích 6.474,3 m²/2 là 3.237.15 m² gồm các thửa 35, 36, 60, 54 tờ bản đồ 15 đất tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên hòa giải của Tòa án nhân dân huyện T có mặt Ông S, bà Đ2 đồng ý trả cho cụ H 10m ngang dài hết đất nhưng tính giá trị bằng tiền là 400.000.000 đồng, cụ H đồng ý nhận 10 m ngang dài hết đất nhưng cụ yêu cầu trả đất không đồng ý nhận tiền. Cụ rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 2.189,95 m² một phần thửa 54, 35, 36, 60 và diện tích 875,1 m² thửa 77, chỉ yêu cầu Ông S, bà Đ2 trả 10m ngang đất theo như sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh T đo đạc ngày 22/10/2021 và biên bản xác minh của Tòa án ngày 13/01/2022 có tổng diện tích 1.014,8 m² thuộc một phần của các thửa 35, 36, 60 tờ bản đồ 15, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: hướng đông giáp thửa 104, 74 dài 68.75 m, 11.37 m, 6.38 m, 22.07 m (đã trừ phần lấn thửa 59 diện tích 32,4 m²); hướng tây giáp thửa 35, 36, 60 dài 110,27 m; hướng nam giáp đường nhựa dài 10 m; hướng bắc giáp thửa 59 dài 10 m.

Bà Đ2 trình bày cho ông T1 vay tiền và cầm trừ đất là không có cơ sở. Cụ H xác nhận có cho ông T1 nhưng sau đó ông T1 trả đất lại cho cụ và cụ cho tiền ông T1 mua đất tại xã Đ, huyện T cất nhà, vợ con ông T1 còn sinh sống đến nay.

Bị đơn Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 và người đại diện theo ủy quyền Anh Nguyễn Minh H thống nhất trình bày:

Xác định nguồn gốc đất là của cụ H mẹ ruột bà Đ2 cho vợ chồng bà ½ diện tích, cho người em tên Thơm (đã chết) ½ diện tích, cho bằng miệng không có giấy tờ, do ông T1 vay tiền của bà Đ2 khoảng 6 triệu đồng đến 7 triệu đồng năm 1991, do ông T1 vay tiền không trả nên mới giao đất cho vợ chồng bà để cầm trừ nợ. Tại phiên hòa giải vợ chồng bà đồng ý trả 10 m ngang đất cho cụ H trả bằng trị giá tiền là 400.000.000 đồng, không trả bằng đất vì trả hơn thì ông bà không có khả năng. Nay không thương lượng được ông bà không đồng ý trả đất cho cụ H, vì đất cụ đã cho ông T1 nên cụ không còn quyền đòi lại đất.

-Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông S, bà Hoa, luật sư Phạm Văn T trình bày: Phía nguyên đơn thừa nhận đã cho hết diện tích đất cho 02

người con là bà Đ2 ½ diện tích và ông T1 ½ diện tích, mặc dù việc vay tiền giữa ông T1 và bà Đ2 không có giấy tờ, cũng như việc ông T1 cản trở tiền nợ giao đất cho bà Đ2, Ông S cũng không có giấy tờ chứng minh nhưng sự thật là bà Đ2, Ông S đã nhận đất và sử dụng từ năm 1975 đến năm 2020 cụ H mới tranh chấp, cụ H không có quyền tranh chấp vì đã cho các con đất. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất” của Cụ Lưu Thị H chết ngày 21/4/2022 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ H gồm: Bà Huỳnh Thị Đ, Bà Huỳnh Thị Đ1, Ông Huỳnh Văn N, Bà Huỳnh Thị H, Bà Huỳnh Thị U, Anh Huỳnh Thanh T, Anh Huỳnh Phương C, Chị Huỳnh Thị Ba P, Chị Huỳnh Thị Kim P1, Bà Huỳnh Thị Đ2) đối với Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2.

1.2. Buộc Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 trả phần đất diện tích 1.014,8 m² một phần của thửa 35, 36, 60 tờ bản đồ 15. Phần đất tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: hướng đông giáp thửa 104; 74 độ dài các đoạn 68.75 m, 11.37 m, 6.38 m, 22.07 m; hướng tây giáp thửa 35; 36; 60 dài 110,27m; hướng nam giáp đường nhựa dài 10 m; hướng bắc giáp thửa 59 dài 10m. (Kèm theo sơ đồ thửa đất).

1.3. Buộc Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trụ bê tông xi măng trong diện tích 1.014,8 m² (như sơ đồ đo đạc ngày 22/10/2021) để giao đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của cụ H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 2.189,95 m² một phần thửa 54, 35, 36, 60 và diện tích 875,1 m² thửa 77 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tổ tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/5/2022, Ông Phan Văn S và Bà Huỳnh Thị Đ2 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tổ tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự,

thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Cụ H yêu cầu bà Đ2, Ông S trả phần đất diện tích 1.014,8m² tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cụ H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu của cụ H được xác định là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” là chưa chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại quan hệ tranh chấp và giao trị giá 10m ngang đất bằng tiền cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H: Anh Huỳnh Thanh T, Anh Huỳnh Phương C, Chị Huỳnh Thị Ba P, Chị Huỳnh Thị Kim P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Anh T, anh C, chị P và P1.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Cụ H cho rằng phần đất diện tích 1.014.8 m², thuộc một phần các thửa số 35,36,60 tờ bản đồ số 15; tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cụ và yêu cầu Ông S, bà Đ2 trả lại cho cụ diện tích đất này, cụ H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu của cụ H được xác định là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” là chưa chính xác.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[4] Xét kháng cáo của Ông S, bà Đ2, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00644 QSDĐ/625/2004/QĐ-CT HL do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 04/5/2004 cho Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 đứng tên chủ sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 6.474,3 m², trong đó diện tích đất thổ cư 400m², đất trồng cây lâu năm 6.074,3 m² thửa số 35, 36, 60, 54 tờ bản đồ 15 (bản đồ đo lưới năm 2000 và bản đồ lưới 2010) tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cụ H mua trước năm 1975.

Cụ H cho rằng cụ chỉ cho bà Đ2 con gái ruột, không cho Ông S con rể $\frac{1}{2}$ diện tích đất, còn lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất là của cụ và do cụ lớn tuổi đi lại khó khăn nên giao cho bà Đ2, Ông S đi đăng ký cấp quyền sử dụng đất dùm cụ nhưng không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án.

Ông S, bà Đ2 cho rằng cụ H cho vợ chồng ông bà $\frac{1}{2}$ diện tích và cho ông T1 (đã chết) em trai bà Đ2 $\frac{1}{2}$ diện tích đất do ông T1 vay tiền của bà Đ2 mà không có khả năng thanh toán nên đã cản trở trả đất cho bà Đ2, nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông S, bà Đ2, tại “Tờ khai đăng ký quyền sử dụng đất và 05 đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều thể hiện nội dung: “*Nguồn gốc đất ông bà để lại*” (bút lục 87, 88, 91, 92). Mặc dù, ông bà thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ H mẹ ruột bà Đ2 nhưng không có văn bản nào cụ H tặng cho Ông S, bà Đ2 toàn bộ diện tích đất ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, cụ H thừa nhận cho bà Đ2 $\frac{1}{2}$ diện tích là có căn cứ.

Tại Biên bản hòa giải tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 15/5/2020 Ông S, bà Đ2 đồng ý trả cụ H 8m ngang x dài hết đất, trên đất có cao su đang khai thác nên đến ngày 15/5/2022 mới giao đất.

Quá trình hòa giải tại Tòa án vợ chồng Ông S, bà Đ2 cũng đồng ý trả cho cụ H 10m ngang x dài hết đất nhưng tính trị giá trả bằng tiền là 400.000.000 đồng, cụ H đồng ý nhận 10m x dài hết đất nhưng yêu cầu nhận đất không nhận tiền.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ông S, bà Đ2 trả phần đất 10 m ngang có diện tích 1.014.8 m², thuộc một phần các thửa số 35, 36, 60 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Do đất thổ cư 400 m² nằm trong thửa số 54 mà trên thực tế thửa 54 Ông S, bà Đ2 đã cất nhà nên không thể tách thửa 54, phần đất tranh chấp có tổng diện tích 1.014.8 m², thuộc một phần các thửa số 35, 36, 60 tờ bản đồ số 15 là đất cây lâu năm) trên phần đất 1.014.8 m² có trụ cây xi măng, ngoài ra không có tài sản nào khác. Yêu cầu Ông S, bà Đ2 tháo dỡ, di dời các trụ xi măng để giao đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H là có căn cứ. Phần đất diện tích 1.014,8 m² có giá trị: 1.014,8 m² x 380.000 đồng/1m² = 385.624.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông S, bà Đ2 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Ông S, bà Đ2.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận 01 phần, sửa quan hệ tranh chấp.

[7] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ông S, bà Diệp phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do Ông S, bà Đ2 thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326 nên miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

1. Căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 202, 203 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Cụ Lưu Thị H chết ngày 21/4/2022 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H gồm: Bà Huỳnh Thị Đ, Bà Huỳnh Thị Đ1, Ông Huỳnh Văn N, Bà Huỳnh Thị H, Bà Huỳnh Thị U, Anh Huỳnh Thanh T, Anh Huỳnh Phương C, Chị Huỳnh Thị Ba P, Chị Huỳnh Thị Kim P1, Bà Huỳnh Thị Đ2) đối với Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2.

1.2. Buộc Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 trả phần đất diện tích 1.014,8 m² một phần của thửa 35, 36, 60 tờ bản đồ 15. Phần đất tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau: hướng đông giáp thửa 104; 74 độ dài các đoạn 68.75 m, 11.37 m, 6.38 m, 22.07 m; hướng tây giáp thửa 35; 36; 60 dài 110,27m; hướng nam giáp đường nhựa dài 10 m; hướng bắc giáp thửa 59 dài 10m. (Kèm theo sơ đồ thửa đất).

1.3. Buộc Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trụ bê tông xi măng trong diện tích 1.014,8 m² (như sơ đồ đo đạc ngày 22/10/2021) để giao đất cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 2.189,95 m² một phần thửa 54, 35, 36, 60 và diện tích 875,1 m² thửa 77 tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về chi phí tố tụng:

Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu 5.042.000 đồng (đã nộp xong)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm dân sự: Ông Phan Văn S, Bà Huỳnh Thị Đ2 được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. H T;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND H T;
- CCTHADS H T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Thúy Hằng